

Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26/7/2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Phương

2. Ông Hoàng Anh Tài

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hiền – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16/7/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V; Sinh năm: 1993

Địa chỉ: Thôn T, Xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt tại phiên tòa

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn D; Sinh năm: 1985

Địa chỉ: Thôn T, xã t, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/5/2019, tại bản tự khai ngày 07/6/2019 cũng như trong các phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị V trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/12/2011 tại Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ và đã có lần dẫn đến xô sát. Thời gian càng kéo dài khiến cho vợ chồng đều cảm thấy mệt mỏi và chán nản. Vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng vẫn không thể nào hòa hợp được. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 2/2019 đến nay và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con cái: Vợ chồng có hai con chung là Bùi Huy N, sinh ngày 14/4/2009 và Bùi Thị Huyền D, sinh ngày 29/7/2016. Ly hôn, chị V yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu D và giao cháu N cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản : Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07 tháng 6 năm 2019 cũng như trong các phiên hòa giải, anh Bùi Văn D trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị V kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/12/2011 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ. Thêm vào đó, thời gian gần đây chị V có biểu hiện quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, anh khuyên can thì chị V không sửa đổi nên lúc nóng giận, anh cũng có tát chị V một cái nhưng chị V không bỏ qua mà tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 2/2019 đến nay và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị V.

Về con cái: Vợ chồng có hai con chung là Bùi Huy N, sinh ngày 14/4/2009 và Bùi Thị Huyền D, sinh ngày 29/7/2016. Ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị V tự nguyện, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản : Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Tòa án và nguyên đơn đã tuân thủ, thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy giữa chị V và anh D mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, đề nghị TAND huyện Thạch Thành áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị V được ly hôn anh D. Về con cái, giao cháu Bùi Thị Huyền D, sinh ngày 29/7/2016 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, anh D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Huy N, sinh ngày 14/4/2009, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 của Bộ Luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS) và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

[2]. Anh D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh D.

Về hôn nhân:

[3].Chị Nguyễn Thị V và anh Bùi Văn D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/12/2011 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Sau ngày cưới vợ chồng hòa thuận đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không chung quan điểm sống và không có sự tin tưởng nhau trong chuyện tình cảm dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ và đã có lần dẫn đến xô sát, đánh đập. Đến đầu năm 2019 thì chị V đã về nhà bố mẹ đẻ và vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn qua lại, quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này, cả chị V và anh D đều thừa nhận và đã được và UBND xã T xác nhận, đồng thời cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. Nay cả chị V và anh D đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Bùi Văn D.

[4]. Về con cái: Vợ chồng có hai con chung là Bùi Huy N, sinh ngày 14/4/2009 và Bùi Thị Huyền D, sinh ngày 29/7/2016. Xét thấy cháu D là con gái, lại đang còn nhỏ rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ nên để cháu ở với mẹ sẽ phù hợp về mặt tình cảm và giới tính. Cháu N là con trai và bản thân cháu cũng có nguyện vọng được ở với bố. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị V, giao cháu D cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, anh D trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[5] Về tài sản: Chị V và anh D không yêu cầu nên miễn xét.

[6] Về án phí: Chị V phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Bùi Văn D.

Về con cái: Giao cháu Bùi Thị Huyền D, sinh ngày 29/7/2016 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Bùi Huy N, sinh ngày 14/4/2009 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị V và anh D có quyền qua lại trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2016/0003655 ngày 30/5/2019. Chị V đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị V, vắng mặt anh D. Chị V có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh D có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)
Nguyễn Thị Cúc**